

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khóa;**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Liên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Đàm Thị Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 20/10/1976.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã D, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Cộng hòa Séc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị S**, sinh ngày 14/7/1977.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã D, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 9 xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1953 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã D, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2005 tại UBND xã D, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh sang Cộng Hòa Séc để lao động còn chị S ở nhà chăm sóc con chung. Tuy nhiên sau khi anh đi, chị S không chăm sóc con chung chu toàn, đến tháng 3/2008 thì chị S bỏ đi nhiều năm không về và cũng không liên lạc với anh. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/02/2006, hiện đang ở cùng bố mẹ anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con. Do anh không ở Việt Nam nên đề nghị Tòa án giao con chung cho bố mẹ anh là ông X và bà T tiếp tục chăm sóc, chi phí anh sẽ tự thỏa thuận với ông X và bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí giám định: Anh Đ tự nguyện chịu cả chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tìm hiểu khoảng 6 – 7 tháng thì cưới, có đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống ở nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn K, xã D một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì anh Đ sang Cộng hòa Séc lao động đến nay không về. Chị xác định thời gian dài xa cách, vợ chồng ít liên lạc nên đến nay tình cảm không còn, anh Đ xin ly hôn thì chị đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/02/2006, hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Đ. Anh Đ đề nghị nuôi con và giao cháu cho ông X, bà T chăm sóc thì chị đồng ý nhưng yêu cầu ông X, bà T và anh Đ không được ngăn cản quyền thăm gặp con của chị.

- Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị ngày 20/4/2018, cháu Nguyễn Đức T có nguyện vọng được anh Đ nuôi dưỡng khi anh Đ, chị S ly hôn và tiếp tục ở cùng ông bà nội là ông X, bà T.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Đ và là bố mẹ chồng của chị S. Sau khi anh Đ và chị S kết hôn thì ở với ông bà tại thôn K, xã D, huyện G. Năm 2017, do kinh tế khó khăn nên anh Đ sang lao động tại Cộng hòa Séc, chị S ở Việt Nam. Tuy nhiên chị S không quan tâm, chăm sóc con chung là cháu T, năm 2008 chị S bỏ đi không liên lạc với gia đình, trong năm chỉ về một vài lần thăm cháu T. Từ đó đến nay cháu T vẫn ở với ông bà. Khi anh Đ và chị S ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh Đ, ông bà sẽ thay anh Đ chăm sóc cháu T đến khi anh Đ đón cháu T, chi phí ông bà sẽ tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện ông bà đã cao tuổi nên xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ông bà sẽ chấp hành mọi quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T vắng mặt, đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là chị Hoàng Thị S có mặt, có quan điểm là nhất trí ly hôn với anh Đ và giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và để ông X, bà T tiếp tục chăm sóc cháu T đến khi anh Đ về đón con.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị S, công nhận sự thỏa thuận của anh Đ, chị S về việc giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và ông X, bà T thay anh Đ chăm sóc cháu T đến khi anh Đ đón cháu. Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn với chị S. Anh Đ trình bày hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Séc. Tại Công văn số 1724/A72-P4 ngày 07/02/2018, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác nhận anh Đ đã xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 14/02/2013 đến nay vẫn chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm

c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản do anh Đ gửi về từ Cộng hòa Séc không được hợp pháp hóa lãnh sự. Tuy nhiên Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết "Nguyễn Văn Đ" trong các tài liệu do anh Đ gửi về so với chữ viết "Nguyễn Văn Đ" trong Giấy chứng nhận kết hôn và các mẫu so sánh thì được xác định là cùng một người viết tại Kết luận giám định số 02/KLGĐ ngày 09/3/2018 của Phòng Kỹ thuật – Công an tỉnh Hải Dương.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Đ, chị V, ông Xn, bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị S kết hôn ngày 11/5/2005 tại UBND xã D, huyện G nên là hôn nhân hợp pháp. Năm 2007 anh Đ xuất cảnh sang Cộng hòa Séc lao động, chị S ở Việt Nam. Sau đó chị S về nhà mẹ đẻ ở Nghệ An, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Từ đó đến nay vợ chồng không gặp nhau, không ai quan tâm đến ai.

Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ và chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị S có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/02/2006, hiện đang ở cùng ông X, bà T tại thôn K, xã D, huyện H. Anh Đ và chị S nhất trí giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và tiếp tục do ông X, bà T chăm sóc nên cần chấp nhận là phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con nên cần chấp nhận.

Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] Về chi phí giám định: Không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị S.

2. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị S có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 22/02/2006. Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị S về việc giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và tạm giao cho ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị T chăm sóc đến khi anh Đ về đón con.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng chị Nguyễn Thị V đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2016/0002365 ngày 06/11/2017. Anh Đ đã thi hành xong án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Thanh Thủy